

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN M **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH L

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2019

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Khánh Hội.

2. Ông Nguyễn Văn Lai.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 24/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng G, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện M, tỉnh L.

(*Bà G vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng G: Bà G yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh T; Về con chung, có 02 con chung tên là Lê Trọng N, sinh ngày 08/8/2011 và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 20/10/2018, khi ly hôn bà G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung bà G không yêu cầu giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của ông Lê Minh T: Ông T vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Lê Thị Hồng G cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà Gấm (bản sao); Trích lục kết hôn (bản sao); 02 giấy khai sinh (bản sao); Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà G.

Chứng cứ do ông Lê Minh T cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Bà Gấm trình bày: Bà G và ông T có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh L. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng giữa năm

2018 cho đến nay. Nay bà G xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên xin ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Trọng N, sinh ngày 08/8/2011 và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 20/10/2018, khi ly hôn bà G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:** Bà Lê Thị Hồng G và ông Lê Minh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh L và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà G khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về việc giải quyết vắng mặt bà Lê Thị Hồng G và ông Lê Minh T:** Bà Lê Thị Hồng G có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Ông Lê Minh T vắng mặt không có lý do, các văn bản tố tụng đã được tổng đạt đúng quy định pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà Gám và ông Tú.

[3]. **Về hôn nhân giữa bà Lê Thị Hồng G và ông Lê Minh T:** Bà G trình bày về mâu thuẫn và tình trạng đã ly thân. Ông T vắng mặt không có ý kiến phản bác đối với lời trình bày của bà G. Việc ông T vắng mặt thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào lời trình bày của bà G thì hai bên không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và không sống chung với nhau. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà G và ông T không còn, việc chung sống giữa bà G và ông T vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G đối với ông T.

[4]. **Về con chung:** Có 02 con chung tên là Lê Trọng N, sinh ngày 08/8/2011 và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 20/10/2018, khi ly hôn bà G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì điều kiện hiện tại của bà G là đảm bảo cho hai con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên yêu cầu của bà G có cơ sở chấp nhận.

[5]. **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]. **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà G không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; Ông T vắng mặt không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7]. **Về án phí:** Bà Lê Thị Hồng G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hồng G đối với ông Lê Minh T; Bà Lê Thị Hồng G được ly hôn với ông Lê Minh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Lê Thị Hồng G, Bà G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Lê Trọng N, sinh ngày 08/8/2011 và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 20/10/2018, ông Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Hồng G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai số 0001473, ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí.

5. Án xử công khai sơ thẩm: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

VỀ VIỆC THI HÀNH ÁN: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Vũ Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lê Văn Những Lý Quốc Trường

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Liêm